|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**  —— |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ————————————  *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH**

**Dự án Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP**

*(Kèm theo Tờ trình số …/TTr-BTC ngày … tháng … năm 2022 của Bộ Tài chính)*

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

Ngày 18/12/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 209/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT), có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2014.

Sau 4 lần sửa đổi, bổ sung (năm 2014 tại Nghị định số 91/2014/NĐ-CP, năm 2015 tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, năm 2016 tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và năm 2017 tại Nghị định số 146/2017/NĐ-CP), Nghị định số 209/2013/NĐ-CP đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt kinh tế - xã hội và đã đạt được mục tiêu đề ra khi ban hành Nghị định. Qua tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện chính sách thuế GTGT hiện hành cho thấy các quy định về chính sách thuế GTGT đã đạt được những kết quả nhất định như đã tháo gỡ được những vướng mắc phát sinh trong thực tế, góp phần hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của một số ngành trong đó có ngành nông nghiệp, khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ trong việc chế biến sâu tài nguyên thiên nhiên, góp phần thúc đẩy thị trường bất động sản, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển công nghệ, đầu tư đổi mới tài sản cố định, khuyến khích xuất khẩu, góp phần thúc đẩy vốn đầu tư xã hội tăng trưởng, cải cách thủ tục hành chính và đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước (NSNN). Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, một số quy định về thuế GTGT đã bộc lộ bất cập cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Cụ thể là:

- Vướng mắc phát sinh về giá tính thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, mua bán điện của các công ty thủy điện, nhiệt điện cũng như công ty sản xuất điện khác hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty phát điện do pháp luật đất đai, pháp luật chuyên ngành đã có sự thay đổi.

- Vướng mắc phát sinh về hoàn thuế GTGT do các quy định hiện hành chưa rõ dẫn đến cách hiểu khác nhau nên phát sinh vướng mắc trong thực hiện như quy định về hoàn thuế đối với: dự án đầu tư; dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí.

Để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong thực hiện chính sách thuế GTGT; đảm bảo chính sách thuế GTGT phù hợp với thực tế, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đảm bảo chính sách công khai, minh bạch, tạo thuận lợi hơn nữa cho người dân và doanh nghiệp thì việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 209/2013/NĐ-CP là cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

**1.** Đảm bảo chính sách thuế GTGT có tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế.

**2.** Đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong thực hiện chính sách thuế GTGT.

**3.** Đảm bảo chính sách công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Về giá tính thuế GTGT**

**1.1. Sửa đổi, bổ sung quy định về xác định giá đất được trừ để tính thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP**

Tại điểm h khoản 1 Điều 7 Luật thuế GTGT quy định giá tính thuế như sau: *Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước*.

Tại Điều 16 Luật thuế GTGT giao: *Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều 5, 7, 8, 12, 13 và các nội dung cần thiết khác của Luật này theo yêu cầu quản lý*.

Tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP quy định như sau:

*“3. Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, giá tính thuế giá trị gia tăng là giá chuyển nhượng bất động sản trừ (-) giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng.*

*a) Giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng được quy định cụ thể như sau:*

*- Trường hợp được Nhà nước giao đất để đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nhà để bán, giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng bao gồm tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước (không kể tiền sử dụng đất được miễn, giảm) và chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật;*

*...*

*- Trường hợp thuê đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước (không bao gồm tiền thuê đất được miễn, giảm) và chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.*

*- Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất bao gồm cả giá trị cơ sở hạ tầng (nếu có); cơ sở kinh doanh không được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của cơ sở hạ tầng đã tính trong giá trị quyền sử dụng đất được trừ không chịu thuế giá trị gia tăng. Nếu giá đất được trừ không bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng thì cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của cơ sở hạ tầng chưa tính trong giá trị quyền sử dụng đất được trừ không chịu thuế giá trị gia tăng. Trường hợp không xác định được giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại thời điểm ký hợp đồng nhận chuyển nhượng...”*

Tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP quy định về xử lý tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng như sau:

*“2. Trường hợp thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất không thông qua hình thức đấu giá và tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì được trừ số tiền đã ứng trước vào tiền sử dụng đất phải nộp theo phương án được duyệt; mức trừ không vượt quá số tiền sử dụng đất phải nộp. Đối với số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng còn lại chưa được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp (nếu có) thì được tính vào vốn đầu tư của dự án.”*

Tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nướcquy định về xử lý tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng như sau:

*“2. Đối với trường hợp thuộc đối tượng thuê đất không thông qua hình thức đấu giá và người được nhà nước cho thuê đất tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì được trừ số tiền đã ứng trước vào tiền thuê đất phải nộp theo phương án được duyệt; mức trừ không vượt quá số tiền thuê đất phải nộp. Đối với số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng còn lại chưa được trừ vào tiền thuê đất phải nộp (nếu có) thì được tính vào vốn đầu tư của dự án.”*

**- Về xác định giá đất được trừ đối với chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng**

*a) Xác định vấn đề*

Theo quy định tại Nghị định số 45/2014/NĐ-CP, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP nêu trên, trường hợp cơ sở kinh doanh được nhà nước giao đất, cho thuê đất và tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt sẽ phát sinh 02 trường hợp: (1) số tiền ứng trước bồi thường, giải phóng mặt bằng ít hơn hoặc bằng số tiền sử dụng đất phải nộp NSNN, tiền thuê đất phải nộp NSNN thì cơ sở kinh doanh được trừ vào số tiền sử dụng đất phải nộp NSNN, số tiền thuê đất phải nộp NSNN; (2) số tiền ứng trước bồi thường, giải phóng mặt bằng nhiều hơn số tiền sử dụng đất phải nộp NSNN, số tiền thuê đất phải nộp NSNN thì phần chênh lệch còn lại chưa được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp NSNN, tiền thuê đất phải nộp NSNN sẽ được tính vào vốn đầu tư của dự án.

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 7 Luật thuế GTGT (giá đất được trừ là *giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp NSNN*)và tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP có quy định cụ thể đối với trường hợp cơ sở kinh doanh ứng trước tiền để bồi thường, giải phóng mặt bằng và được trừ vào số tiền sử dụng đất phải nộp NSNN, số tiền thuê đất phải nộp NSNN thì tổng số tiền được trừ không vượt quá số tiền sử dụng đất phải nộp NSNN, số tiền thuê đất phải nộp NSNN. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp cho rằng chi phí đền bù, bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật là toàn bộ số tiền doanh nghiệp đã chi để bồi thường, giải phóng mặt bằng (bao gồm cả phần chênh lệch tăng so với số tiền sử dụng đất phải nộp NSNN, số tiền thuê đất phải nộp NSNN được tính vào vốn đầu tư của dự án theo quy định trên).

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Đảm bảo chính sách minh bạch, tránh vướng mắc trong thực hiện, tránh gian lận về kê khai giá đất được trừ.

*c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

(c1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

(c2) Giải pháp 2: Để đảm bảo thống nhất trong thực hiện, đề nghị bổ sung quy định tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng là số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định pháp luật về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

*d) Đánh giá tác động của các giải pháp*

(d1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

Thực hiện theo phương án này sẽ:

\* Tác động tích cực: Không phát sinh việc sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

\* Tác động tiêu cực: Chính sách chưa minh bạch, dễ dẫn đến thất thu NSNN.

(d2) Giải pháp 2:

\* Tác động tích cực: Đảm bảo chính sách minh bạch, tránh vướng mắc trong thực hiện, tránh gian lận về kê khai giá đất được trừ.

\* Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí cho việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

*đ) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp*

Trên cơ sở phân tích ưu nhược điểm các phương án, đề nghị thực hiện theo phương án 2.

**- Về xác định giá đất được trừ đối với trường hợp cơ sở kinh doanh có đầu tư cơ sở hạ tầng**

*a) Xác định vấn đề*

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 7 Luật thuế GTGT thì giá đất được trừ là giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp NSNN*.* Tuy nhiên, quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP nêu trên dẫn đến có ý kiến cho rằng doanh nghiệp được lựa chọn cách xác định giá đất được trừ để tính thuế GTGT đối với trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân đã bao gồm cơ sở hạ tầng (cơ sở kinh doanh được tính vào giá đất được trừ bao gồm cả giá trị cơ sở hạ tầng hoặc không tính vào giá đất được trừ của phần cơ sở hạ tầng) là chưa phù hợp với quy định tại Luật và dẫn đến áp dụng không thống nhất giữa các địa phương và giữa các doanh nghiệp.

Tại khoản 10 Điều 3 Luật đất đai quy định: *Chuyển quyền sử dụng đất là việc chuyển giao quyền sử dụng đất từ người này sang người khác thông qua các hình thức chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất và góp vốn bằng quyền sử dụng đất*. Như vậy, theo quy định của Luật đất đai thì chuyển quyền sử dụng đất không bao gồm quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Đảm bảo chính sách minh bạch, tránh vướng mắc trong thực hiện.

*c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

(c1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

(c2) Giải pháp 2: Theo quy định tại Nghị định số 209/2013/NĐ-CP thì doanh nghiệp được lựa chọn tính giá đất được trừ có cơ sở hạ tầng hoặc không có cơ sở hạ tầng. Để đảm bảo thống nhất trong thực hiện, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định rõ: Đối với trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế GTGT là giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng, cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của cơ sở hạ tầng (nếu có) theo quy định.

Đối với dự án nhận chuyển nhượng mà doanh nghiệp đã tính giá trị cơ sở hạ tầng vào giá trị quyền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP thì cần phải hướng dẫn cách xác định giá đất được trừ theo Nghị định này. Bộ Tài chính trình Chính phủ hướng dẫn rõ như sau: Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng của các tổ chức, cá nhân đã xác định giá đất được trừ bao gồm cả giá trị cơ sở hạ tầng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015) thì giá đất được trừ là giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng không bao gồm cơ sở hạ tầng. Trường hợp không tách được giá trị cơ sở hạ tầng tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì giá đất được trừ để tính thuế GTGT là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại thời điểm ký hợp đồng nhận chuyển nhượng.

*d) Đánh giá tác động của các giải pháp*

(d1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

Thực hiện theo phương án này sẽ:

\* Tác động tích cực: Không phát sinh việc sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

\* Tác động tiêu cực: Chưa rõ ràng trong thực hiện.

(d2) Giải pháp 2:

\* Tác động tích cực: Đảm bảo chính sách minh bạch, thống nhất trong thực hiện và tránh áp dụng khác nhau trong thực tế.

\* Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí cho việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

*đ) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp*

Trên cơ sở phân tích ưu, nhược điểm của các phương án, đề nghị thực hiện theo phương án 2.

**1.2. Sửa đổi, bổ sung quy định về xác định giá tính thuế GTGT đối với các công ty thủy điện, nhiệt điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tổng công ty phát điện (GENCO)**

Tại Điều 7 Luật thuế GTGT về giá tính thuế không quy định giá tính thuế đối với điện của các công ty điện.

Tại Điều 16 Luật thuế GTGT giao: *Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều 5, 7, 8, 12, 13 và các nội dung cần thiết khác của Luật này theo yêu cầu quản lý*.

Tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP quy định giá tính thuế GTGT như sau: *Đối với điện của các nhà máy thủy điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, bao gồm cả điện của các nhà máy thủy điện hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, giá tính thuế giá trị gia tăng để xác định số thuế giá trị gia tăng nộp tại địa phương nơi có nhà máy được tính bằng 60% giá bán điện thương phẩm bình quân năm trước chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng*.

Tại Điều 2 Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý tài chính EVN (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2017) sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP như sau:

*“4. Khai, tính và nộp thuế giá trị gia tăng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam:*

*...*

*b) Việc kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng của các công ty sản xuất điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam được thực hiện như sau:*

*- Các công ty sản xuất điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và hạch toán phụ thuộc Tổng công ty phát điện thực hiện khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế đối với hoạt động sản xuất điện tại địa phương nơi đóng trụ sở công ty.*

*- Số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất điện được xác định như sau:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất điện* | *=* | *Số thuế GTGT*  *đầu ra* | *-* | *Số thuế GTGT*  *đầu vào được*  *khấu trừ* |

*- Số thuế GTGT đầu ra được xác định như sau:*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Số thuế*  *GTGT đầu ra* | *=* | *Sản lượng điện* | *x* | *Giá tính thuế* | *x* | *Thuế suất*  *thế GTGT (10%)* |

*Trong đó:*

*Sản lượng điện là sản lượng giao nhận theo đồng hồ đo đếm điện có xác nhận giữa công ty sản xuất điện với công ty truyền tải điện và công ty mua bán điện.*

*Giá tính thuế giá trị gia tăng đối với điện của các công ty sản xuất điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện là giá bán điện cho khách hàng ghi trên hóa đơn theo hợp đồng mua bán điện. Trường hợp các công ty sản xuất điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện không trực tiếp bán điện cho khách hàng thì giá tính thuế giá trị gia tăng được xác định như sau:*

*Giá tính thuế đối với điện của các công ty thủy điện hạch toán phụ thuộc là giá bán điện cho công ty mẹ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam công bố trước ngày 31 tháng 3 hàng năm để áp dụng thống nhất nhưng không thấp hơn chi phí sản xuất điện bình quân năm trước liền kề**(không bao gồm chi phí lãi vay và chênh lệch tỷ giá) của các nhà máy thủy điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và của các nhà máy thủy điện hạch toán phụ thuộc Tổng công ty phát điện.*

*Giá tính thuế giá trị gia tăng đối với công ty nhiệt điện là giá bán cho công ty mẹ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam công bố trước ngày 31 tháng 3 hàng năm để áp dụng thống nhất nhưng không thấp hơn giá mua điện bình quân năm trước liền kề của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.”.*

**- Đối với các công ty thuỷ điện hạch toán phụ thuộc EVN, GENCO**

*a) Xác định vấn đề*

Kể từ ngày Nghị định số 10/2017/NĐ-CP có hiệu lực (01/4/2017) thì số thu của một số địa phương gặp khó khăn do: Việc xác định giá tính thuế GTGT đối với điện của các công ty sản xuất điện hạch toán phụ thuộc EVN và hạch toán phụ thuộc các GENCO theo chi phí sản xuất điện của năm trước liền kề sẽ không thống nhất giữa các nhà máy thủy điện vì có những nhà máy thủy điện đã hết khấu hao và nhà máy thủy điện chưa hết khấu hao. Bên cạnh đó, đối với nhà máy thủy điện đã hết khấu hao hoặc tiết kiệm chi phí thì giá tính thuế GTGT để nộp cho các địa phương thấp nên ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách của địa phương.

Theo số liệu của cơ quan thuế thì giá tính thuế GTGT của các công ty thủy điện này trong năm 2021 tương đương khoảng 26% giá bán điện thương phẩm bình quân năm trước chưa bao gồm thuế GTGT; trong khi theo Nghị định số 209/2013/NĐ-CP thì giá tính thuế GTGT bằng 60% giá bán điện thương phẩm bình quân năm trước chưa bao gồm thuế GTGT. Đồng thời, khi tham gia thị trường điện cạnh tranh thì giá tính thuế GTGT sẽ còn thấp hơn nhiều (chỉ bằng 1/3 giá tính thuế theo quy định tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP).

Bên cạnh đó, quy định trên còn ảnh hưởng đến việc thực hiện dự toán thu NSNN được giao hàng năm: Các địa phương có công ty thuỷ điện hạch toán phụ thuộc được giao dự toán thu NSNN hàng năm căn cứ theo giá bán điện của năm trước (địa phương làm dự toán thu NSNN của năm sau vào tháng 6 của năm trước theo giá bán điện của năm trước). Tuy nhiên, do giá bán điện của các công ty thủy điện hàng năm được EVN công bố trước ngày 31/3 hàng năm luôn thấp hơn giá năm trước do chi phí sản xuất ngày càng giảm vì giá trị tài sản cố định của các nhà máy thuỷ điện hạch toán phụ thuộc được khấu hao nhiều năm, vì vậy, ngân sách của các địa phương này luôn bị hụt thu so với số giao dự toán.

Do vậy, tại Thông báo số 18/TB-VPCP ngày 25/01/2021 của Văn phòng Chính phủ thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với tỉnh Hòa Bình giao: *“Bộ Tài chính xem xét, rà soát sự phù hợp của giá tính thuế GTGT đối với các công trình thủy điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam quy định tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP...”*.

Lãnh đạo Chính phủ nhiều lần có ý kiến chỉ đạo về nội dung này tại các công văn số: 1562/VPCP-KTTH ngày 26/6/2021, 2432/VPCP-KTTH ngày 30/8/2021 và 3694/VPCP-KTTH ngày 23/11/2021.

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Để đảm bảo hài hòa lợi ích giữa địa phương và doanh nghiệp. Đảm bảo chính sách đơn giản, dễ thực hiện.

*c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

(c1) Giải pháp 1: Giá tính thuế GTGT tại các công ty thủy điện hạch toán phụ thuộc EVN bằng 40% giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế GTGT theo quy định của pháp luật điện lực và pháp luật giá.

(c2) Giải pháp 2: Giá tính thuế GTGT tại các công ty thủy điện hạch toán phụ thuộc EVN bằng 35% giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế GTGT theo quy định của pháp luật điện lực và pháp luật giá.

*d) Đánh giá tác động của các giải pháp*

(d1) Giải pháp 1: Giá tính thuế bằng 40% giá bán lẻ điện bình quân năm trước chưa bao gồm thuế GTGT.

Thực hiện theo phương án này sẽ:

\* Tác động tích cực:

Số thuế GTGT phải nộp từ các nhà máy thủy điện hạch toán phụ thuộc EVN tăng so với hiện hànhkhoảng **858** tỷ đồng**.** Số thuế GTGT còn được khấu trừ tại EVN cũng tăng tương ứng là **858** tỷ đồng/năm và dự kiến cho năm 2021 số thuế GTGT còn được khấu trừ của EVN là **2.850 tỷ đồng**.

\* Tác động tiêu cực:

- EVN sẽ gặp khó khăn do số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ sẽ tăng dần qua các năm.

- Phát sinh chi phí cho việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

(d2) Giải pháp 2:

\* Tác động tích cực:

Số thuế GTGT phải nộp từ các nhà máy thủy điện hạch toán phụ thuộc EVN tăng so với hiện hànhkhoảng **570** tỷ đồng**.** Số thuế GTGT còn được khấu trừ tại EVN cũng tăng tương ứng là **570** tỷ đồng và dự kiến cho năm 2021 số thuế GTGT còn được khấu trừ của EVN là **2.562 tỷ đồng**.

\* Tác động tiêu cực:

- EVN sẽ gặp khó khăn do số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ sẽ tăng dần qua các năm.

- Phát sinh chi phí cho việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

*đ) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp*

Để hài hoà lợi ích nhà nước, địa phương và doanh nghiệp, tạo nguồn thu ổn định cho các địa phương, đề nghị thực hiện theo phương án 2. Với đề xuất này, giá tính thuế GTGT sẽ ổn định (giá này do Bộ Công thương công bố) và không phụ thuộc vào EVN.

**- Đối với các công ty nhiệt điện hạch toán phụ thuộc EVN, GENCO**

*a) Xác định vấn đề*

Theo quy định tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP, các công ty nhiệt điện hạch toán phụ thuộc EVN và hạch toán phụ thuộc GENCO không trực tiếp bán điện cho khách hàng thì giá tính thuế GTGT đối với công ty nhiệt điện là giá bán cho công ty mẹ do EVN công bố trước ngày 31/3 hàng năm để áp dụng thống nhất nhưng không thấp hơn giá mua điện bình quân năm trước liền kề của EVN. Theo đó, EVN sẽ phải tính toán xác định giá bán điện của các công ty nhiệt điện hạch toán phụ thuộc và công bố trước ngày 31/3 hàng năm để các công ty nhiệt điện hạch toán phụ thuộc áp dụng thống nhất.

Tuy nhiên từ năm 2018 đến nay, theo Quyết định số 4398/QĐ-BCT ngày 26/11/2018 của Bộ Công thương, các công ty nhiệt điện hạch toán phụ thuộc EVN đã tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh và từng nhà máy nhiệt điện đã có giá bán riêng theo hợp đồng do EVN ký với các Tổng công ty điện lực. Do vậy, việc xác định giá tính thuế GTGT theo giá do EVN công bố quy định tại Nghị định 10/2017/NĐ-CP là không còn phù hợp và tăng thủ tục hành chính cho EVN phải công bố hàng năm về giá tính thuế GTGT đối với các nhà máy nhiệt điện. Đồng thời, với giá tính thuế quy định tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP cũng chưa phản ánh đúng giá mà các công ty nhiệt điện thực nhận (giá theo hợp đồng). Ngoài ra, với quy định về giá tính thuế tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP cũng dẫn đến vướng mắc trong việc thực hiện dự toán thu NSNN hàng năm tương tự như vướng mắc phát sinh đối với các công ty thủy điện đã phân tích ở trên.

Vì vậy để phù hợp với thực tế, cần thiết phải sửa đổi bổ sung quy định về giá tính thuế GTGT đối với điện của các nhà máy nhiệt điện hạch toán phụ thuộc.

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Để đảm bảo bao quát hết các trường hợp về giá tính thuế và phù hợp với thực tế.

*c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

(c1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

(c2) Giải pháp 2:

Giá tính thuế GTGT đối với điện của các công ty nhiệt điện hạch toán phụ thuộc EVN, hạch toán phụ thuộc các GENCO là giá bán điện cho khách hàng ghi trên hóa đơn theo hợp đồng mua bán điện áp dụng cho từng công ty nhiệt điện.

Trường hợp chưa có hợp đồng mua bán điện áp dụng cho từng công ty nhiệt điện thì giá tính thuế GTGT được xác định là giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế GTGT theo quy định của pháp luật điện lực và pháp luật giá.

*d) Đánh giá tác động của các giải pháp*

(d1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

\* Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới khi triển khai Nghị định.

\* Tác động tiêu cực: Doanh nghiệp và cơ quan thuế gặp khó khăn đối với trường hợp chưa được quy định trong Nghị định.

(d2) Giải pháp 2:

\* Tác động tích cực: Để đảm bảo bao quát hết các trường hợp về giá tính thuế và phù hợp với thực tế.

Nếu thực hiện theo giải pháp này sẽ không ảnh hưởng đến số thu NSNN nơi có công ty sản xuất điện (nhiệt điện, điện gió, điện mặt trời,...). Quy định này đảm bảo chính sách minh bạch và cải cách hành chính cho EVN và công ty sản xuất điện bởi: EVN không phải công bố giá mua điện hàng năm để công ty sản xuất điện kê khai, nộp thuế; công ty sản xuất điện chủ động được giá tính thuế GTGT. Ngoài ra, với quy định mới này sẽ góp phần thực hiện ổn định của các địa phương.

\* Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí cho việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

*đ) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp*

Đề nghị thực hiện theo phương án 2.

**2. Về hoàn thuế GTGT**

**2.1. Sửa đổi, bổ sung quy định về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư** **tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP**

*a) Xác định vấn đề*

Tại Điều 13 Luật thuế GTGT (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật số 106/2016/QH13) quy định: *Trường hợp cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ và có số thuế còn lại từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng*.

Tại Điều 16 Luật thuế GTGT giao: *Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều 5, 7, 8, 12, 13 và các nội dung cần thiết khác của Luật này theo yêu cầu quản lý*.

Tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP quy định:

*“a) Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động, nếu thời gian đầu tư từ 01 năm trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho đầu tư theo từng năm, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này. Trường hợp, nếu số thuế giá trị gia tăng lũy kế của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng.*

*Trường hợp dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thì cơ quan thuế có thể sử dụng kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán để quyết định việc hoàn thuế giá trị gia tăng và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.*

*b) Cơ sở kinh doanh đang hoạt động thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới (trừ dự án đầu tư xây dựng nhà để bán) tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính, đang trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động, chưa đăng ký kinh doanh, chưa đăng ký thuế thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính, sau khi bù trừ nếu số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng cho dự án đầu tư, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này. Cơ sở kinh doanh phải kê khai, lập hồ sơ hoàn thuế riêng đối với dự án đầu tư.”*

**- Đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh theo từng giai đoạn, từng hạng mục đầu tư**

Thực tế có nhiều dự án đầu tư: khách sạn, khu du lịch, kinh doanh bất động sản, dự án đầu tư nhà máy,... để đảm bảo được hiệu quả đầu tư, khi có giai đoạn, hạng mục đầu tư hoàn thành, doanh nghiệp tiến hành thực hiện sản xuất kinh doanh, các giai đoạn, hạng mục còn lại vẫn tiếp tục đầu tư.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết hồ sơ hoàn thuế đối với dự án đầu tư, có ý kiến cho rằng nếu dự án đầu tư có giai đoạn, hạng mục đã hoàn thành (phát sinh doanh thu) mà doanh nghiệp chưa lập hồ sơ hoàn thuế thì cơ quan quản lý thuế không thực hiện giải quyết hoàn thuế cho doanh nghiệp. Do vậy, Bộ Tài chính nhận được nhiều kiến nghị của doanh nghiệp về vấn đề này.

Đồng thời, trong quá trình kiểm toán chuyên đề quản lý, sử dụng tài chính công và quản lý hoàn thuế GTGT, Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) đã có văn bản ngày 05/7/2018 giải trình, kiến nghị đối với nội dung dự thảo báo cáo kiểm toán, trong đó có nội dung kiến nghị không thu hồi hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn, hạng mục đầu tư.

Thống nhất với Tổng cục Thuế, Kiểm toán Nhà nước đã không đưa nội dung kiến nghị thu hồi hoàn thuế GTGT trong giai đoạn đầu tư vào Thông báo kết quả kiểm toán. Tuy nhiên, Kiểm toán Nhà nước cũng kiến nghị Bộ Tài chính quy định rõ tại văn bản quy phạm pháp luật để tránh vướng mắc trong thực hiện và tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

Bộ Tài chính thấy rằng, theo quy định tại Luật thuế GTGT thì toàn bộ số thuế GTGT đầu vào phục vụ cho giai đoạn đầu tư được hoàn thuế GTGT và việc lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư là quyền lợi của doanh nghiệp nên cần thiết phải bổ sung hướng dẫn rõ số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư của dự án đầu tư thì được hoàn thuế.

**- Đối với dự án đầu tư cùng tỉnh, thành phố với dự án đầu tư đang hoạt động**

Trong thời gian vừa qua phát sinh nhiều dự án đầu tư cùng tỉnh, thành phố với dự án đầu tư đang hoạt động của doanh nghiệp như: Doanh nghiệp có nhà máy thép tiếp tục đầu tư thêm 01 nhà máy thép ở cùng tỉnh với nhà máy đang hoạt động; doanh nghiệp có nhà máy điện thoại đầu tư thêm nhà máy sản xuất vô tuyến hoặc doanh nghiệp bất động sản đầu tư thêm sản xuất ô tô,... Các dự án này đều là dự án đầu tư mới của doanh nghiệp và theo quy định của Luật thuế GTGT thì doanh nghiệp được hoàn thuế GTGT đầu vào phục vụ cho dự án đầu tư.

Tuy nhiên, trong quá trình kiểm toán hoàn thuế GTGT tại các Cục Thuế, Kiểm toán Nhà nước cho rằng quy định tại Nghị định chưa rõ nên đã kiến nghị thu hồi số tiền hoàn thuế GTGT của các dự án đầu tư cùng tỉnh, thành phố với dự án đang hoạt động. Sau khi Kiểm toán Nhà nước có khuyến nghị, Bộ Tài chính nhận được rất nhiều văn bản của doanh nghiệp, Hiệp hội hoặc thông qua các cuộc đối thoại doanh nghiệp đề nghị giải quyết hoàn thuế GTGT đối với các dự án đầu tư, có những doanh nghiệp do không được hoàn thuế dẫn đến nợ ngân hàng lớn và có nguy cơ phá sản.

Bộ Tài chính thấy rằng, đối với doanh nghiệp phải thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ (số thuế GTGT phải nộp = số thuế GTGT đầu ra - số thuế GTGT đầu vào) nên việc hoàn thuế GTGT cho đầu tư không làm giảm thu NSNN mà sẽ giải quyết khó khăn về vốn cho doanh nghiệp trong giai đoạn đầu tư (doanh nghiệp đang trong giai đoạn đầu tư đã được hoàn thuế GTGT đầu vào nên khi bán sản phẩm có thuế GTGT đầu ra thì không còn số thuế GTGT đầu vào để được khấu trừ).

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Để đảm bảo chính sách rõ ràng, tránh vướng mắc trong thực hiện.

*c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

(c1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

(c2) Giải pháp 2: Bổ sung hướng dẫn về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc nhiều hạng mục đầu tư.

*d) Đánh giá tác động của các giải pháp*

(d1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

\* Tác động tích cực: Không tốn chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi ban hành Nghị định.

\* Tác động tiêu cực: Chưa giải quyết được vướng mắc trong thời gian qua. Cơ quan thuế và doanh nghiệp có cách hiểu khác nhau trong quá trình thực hiện.

(d2) Giải pháp 2:

\* Tác động tích cực: Tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đảm bảo chính sách minh bạch.

\* Tác động tiêu cực: Tốn chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi ban hành Nghị định.

*đ) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp*

Đề nghị thực hiện theo phương án 2.

**2.2. Sửa đổi, bổ sung quy định hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP**

*a) Xác định vấn đề*

***- Quy định pháp luật về thuế GTGT***

Tại khoản 1 Điều 13 Luật thuế GTGT (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật số 106/2016/QH13) quy định: *“Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp:*

*a) Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động;...”*

Tại Điều 16 Luật thuế GTGT giao: *Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều 5, 7, 8, 12, 13 và các nội dung cần thiết khác của Luật này theo yêu cầu quản lý*.

Tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP quy định:

*“c) Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp:*

*- Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Luật thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế là dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng cơ sở kinh doanh chưa được cấp giấy phép kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; chưa có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép đầu tư kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; hoặc chưa đáp ứng được điều kiện để thực hiện đầu tư kinh doanh có điều kiện mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới hình thức văn bản theo quy định của pháp luật về đầu tư.”*

***- Quy định pháp luật về đầu tư***

Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (*có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015*), Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016 sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư (*có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017*) và Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (*có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021*) đều quy định: *Hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối, bán buôn, bán lẻ, tư vấn chuyên ngành điện lực* thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo một hoặc một số hình thức sau đây: a) Giấy phép; b) Giấy chứng nhận; c) Chứng chỉ; d) Văn bản xác nhận, chấp thuận; đ) Các yêu cầu khác mà cá nhân, tổ chức kinh tế phải đáp ứng để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh mà không cần phải có xác nhận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.[[1]](#footnote-1)

***- Quy định pháp luật về điện lực***

Tại khoản 5 Điều 32 Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03/12/2004 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012) giao Bộ Công thương quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực như sau: *“5. Bộ Công thương quy định trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung và thời hạn giấy phép hoạt động điện lực đối với từng lĩnh vực hoạt động điện lực.”*.

+ *Đối với các dự án đầu tư dưới 1MW và điện mặt trời mái nhà*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực và khoản 4 Điều 5 Thông tư số 18/2020/TT-BCT ngày 17/7/2020 của Bộ Công thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời thì dự án đầu tư điện dưới 1MW và hệ thống điện mặt trời mái nhà thuộc diện miễn trừ Giấy phép hoạt động điện lực.

*+ Đối với các dự án đầu tư trên 1 MW*

Tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực như sau: *“Chậm nhất trước 15 ngày làm việc kể từ ngày dự kiến chính thức vận hành thương mại, tổ chức tham gia hoạt động phát điện phải nộp đầy đủhồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực”.*

Vướng mắc phát sinh như sau:

*- Thứ nhất,* theo Luật thuế GTGT thì cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ mà số thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án đầu tư còn lại chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP thì đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện phải đáp ứng điều kiện kinh doanh và phải duy trì điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động. Quy định tại Nghị định dẫn đến vướng mắc đối với các dự án đầu tư kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì phải đến khi nào được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép, giấy chứng nhận,... đủ điều kiện thì mới được hoàn thuế.

*- Thứ hai,* Nghị định số 100/2016/NĐ-CP quy định nếu chưa được cấp giấy phép kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, chưa có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép đầu tư kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; hoặc chưa đáp ứng được điều kiện để thực hiện đầu tư kinh doanh có điều kiện mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới hình thức văn bản theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật chuyên ngành thì không được hoàn thuế.

Do vậy, dẫn đến cách hiểu là cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT phải đáp ứng đủ tất cả các giấy nói trên hay chỉ cần một giấy có nội hàm quy định đủ điều kiện kinh doanh và thời điểm phải có đủ hoặc không có một giấy tờ nêu trên là khi nào.

*- Thứ ba,* đối với ngành điện, theo Luật Đầu tư thì: *Hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối, bán buôn, bán lẻ, tư vấn chuyên ngành điện lực* thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Việc cấp giấy phép đối với hoạt động sản xuất điện được thực hiện theo quy định của Luật Điện lực và các văn bản hướng dẫn của Bộ Công thương. Theo đó, giấy phép hoạt động điện lực do cơ quan có thẩm quyền cấp sau khi hoàn tất đầu tư và đóng điện. Mặt khác, Bộ Công thương cho rằng “*giấy phép hoạt động điện lực không phải là giấy phép kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hay giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện*” [[2]](#footnote-2).

Một số dự án đầu tư điện mặt trời dưới 1MW và hệ thống điện mặt trời mái nhà thuộc diện miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực. Như vậy, nếu theo Luật thuế GTGT, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP, các dự án này không đáp ứng điều kiện để hoàn thuế, không phải do nguyên nhân chủ quan của dự án mà nguyên nhân khách quan (theo pháp luật về điện lực không có giấy phép hoạt động điện lực).

Ngoài các dự án ngành điện thì thực tế phát sinh vướng mắc ở một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khác (cơ sở kinh doanh chỉ được cấp giấy phép, giấy chứng nhận hoặc 01 loại giấy khác về đủ điều kiện đầu tư kinh doanh sau khi dự án đầu tư đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng) như: kinh doanh khai thác cảng biển (*theo quy định tại Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển thì đối với điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phải đảm bảo cơ sở vật chất, kho, bãi, trang thiết bị cần thiết phù hợp theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với cảng biển…*), kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch (*theo quy định tại Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thì phải đáp ứng điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ của cơ sở lưu trú du lịch và theo hướng dẫn tại Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an phải được cơ quan công an thẩm định thiết kế phòng cháy và chữa cháy; nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy)...*

Do vậy, trong quá trình kiểm toán hoàn thuế GTGT tại các Cục Thuế, Kiểm toán Nhà nước đã có kiến nghị Bộ Tài chính: *Đề nghị quy định rõ thời điểm người nộp thuế cung cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhằm tạo thuận lợi cho quá trình hoàn thuế.*

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Để đảm bảo chính sách rõ ràng, tránh vướng mắc trong thực hiện.

*c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

(c1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

(c2) Giải pháp 2: (i) Sửa đổi, bổ sung quy định về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và (ii) Bổ sung rõ quy định này áp dụng kể từ ngày Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ có hiệu lực thi hành.

*d) Đánh giá tác động của các giải pháp*

(d1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

\* Tác động tích cực: Không tốn chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi ban hành Nghị định.

\* Tác động tiêu cực: Chưa giải quyết được vướng mắc trong thời gian qua. Cơ quan thuế và doanh nghiệp có cách hiểu khác nhau trong quá trình thực hiện.

(d2) Giải pháp 2:

\* Tác động tích cực: Tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp nhất là trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, đảm bảo chính sách minh bạch.

Theo số liệu do của ngành thuế cung cấp đến ngày 07/3/2022 thì nếu quy định hoàn thuế GTGT đối với dự án điện từ ngày 01/7/2016 thì tổng số thuế cơ sở kinh doanh được hoàn thuế là 25.760 tỷ đồng, trong đó:

- Số thuế GTGT đã hoàn: 19.987 tỷ đồng (sẽ không thực hiện thu hồi hoàn thuế).

- Số thuế GTGT chưa xử lý hoàn: 5.773 tỷ đồng (sẽ thực hiện hoàn thuế).

- Số thuế GTGT đã thực hiện thu hồi hoàn thuế: 919 triệu đồng (sẽ thực hiện hoàn thuế).

\* Tác động tiêu cực: Tốn chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi ban hành Nghị định.

*đ) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp*

Đề nghị thực hiện theo phương án 2.

**2.3.** **Sửa đổi, bổ sung quy định hoàn thuế GTGT đối với dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí**

*a) Xác định vấn đề*

Tại Điều 13 Luật thuế GTGT (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 của Luật số 106/2016/QH13) quy định:

*“Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp:*

...

*b) Dự án đầu tư khai thác tài nguyên, khoáng sản được cấp phép từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 hoặc dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hàng hóa mà tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên theo dự án đầu tư.”*

Tại Điều 16 Luật thuế GTGT giao: *Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều 5, 7, 8, 12, 13 và các nội dung cần thiết khác của Luật này theo yêu cầu quản lý.*

Để khuyến khích hoạt động tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí, tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP) quy định:

*“Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế đối với dự án đầu tư như sau:*

*a) Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động, nếu thời gian đầu tư từ 01 năm trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho đầu tư theo từng năm, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này. Trường hợp, nếu số thuế giá trị gia tăng lũy kế của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng.*

*…*

*c) Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp:*

*…*

*- Dự án đầu tư khai thác tài nguyên, khoáng sản được cấp phép từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 hoặc dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hàng hóa mà tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên theo dự án đầu tư.”*

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Để đảm bảo chính sách rõ ràng, tránh vướng mắc trong thực hiện.

*c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

(c1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

(c2) Giải pháp 2: Quy định rõ dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí được hoàn thuế GTGT.

*d) Đánh giá tác động của các giải pháp*

(d1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

\* Tác động tích cực: Không tốn chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi ban hành Nghị định.

\* Tác động tiêu cực: Chưa giải quyết được vướng mắc trong thời gian qua, chưa tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

(d2) Giải pháp 2:

\* Tác động tích cực: Tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp nhất, đảm bảo chính sách minh bạch, tránh cách hiểu khác.

\* Tác động tiêu cực: Tốn chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi ban hành Nghị định.

*đ) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp*

Đề nghị thực hiện theo phương án 2.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của dự án Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP./.

**BỘ TÀI CHÍNH**

1. Quy định tại khoản 6 Điều 7 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 và khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Đầu tư. [↑](#footnote-ref-1)
2. Công văn số 1936/BCT-ĐL ngày 06/4/2021 của Bộ Công thương gửi Bộ Tài chính. [↑](#footnote-ref-2)